

## ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

VIỆT NAM - ĐỨC

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 61/2004/LPQT

*Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2004*

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về việc thanh toán nợ nước ngoài của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 03 tháng 3 năm 2004./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

*Phó Vụ trưởng*

**Nguyễn Hoàng Anh**

## **HIỆP ĐỊNH giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về việc thanh toán nợ nước ngoài của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức

Căn cứ vào Hiệp định ký ngày 15/8/1994 giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về việc giảm và hợp nhất nợ nước ngoài của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là "Hiệp định 1994") và căn cứ vào cuộc hội đàm giữa Thủ tướng Gerhard Schröder và Thủ tướng Phan Văn Khải tại Hà Nội hồi tháng 5/2003

đã nhất trí như sau:

**Điều 1.** (Khoản nợ trước đây bằng Rúp chuyển nhượng nay chuyển sang Euro)

1. Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức đề ra cho Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một phương thức mới cho việc thanh toán khoản nợ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi trong Điều 5, đoạn 2 của Hiệp định 1994.

2. Khoản nợ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo đoạn 1 sau khi đã trừ phần nợ đã được thanh toán tính đến ngày 01/12/2003 theo tinh thần của Hiệp định 1994 là 37.296.160,91 EUR (bằng chữ: ba mươi bảy triệu hai trăm chín

mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi Euro chín mươi một Cent).

**Điều 2.** (Thanh toán) Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thanh toán khoản nợ ghi trong điều 1, đoạn 2 theo điều 6, đoạn 3 của Hiệp định 1994.

**Điều 3.** (Tính lãi) Tiền lãi của khoản nợ ghi trong điều 1, đoạn 2 được tính theo điều 7, đoạn 3, 4 và 6 của Hiệp định 1994.

**Điều 4.** (Chuyển đổi nợ)

1. Số tiền 4.000.000,00 EUR (bằng chữ: Bốn triệu Euro) trong khoản nợ nêu tại điều 1, đoạn 2 của Hiệp định này có thể trở thành đối tượng chuyển đổi nợ.

2. Dự kiến số tiền ghi trong đoạn 1 sẽ được sử dụng cho dự án vì lợi ích chung để thực hiện những thành phần sinh thái của dự thảo thiết kế của Đức trong công trình xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia tại Việt Nam.

3. Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đề xuất với Ngân hàng tái thiết thông qua Đại sứ quán Cộng hòa Liên bang Đức tại Hà Nội ngay sau khi có quyết định của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia những đề nghị thích hợp về dự án này. Ngân hàng tái thiết sau khi thống nhất với Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức sẽ trả lời trong vòng ba tháng về những đề nghị dự án này.

4. Việc giảm số nợ ghi trong đoạn 1 sẽ được tiến hành từng bước. Khi Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tùy theo từng thời điểm và mức

độ, huy động số tính bằng tiền Đồng Việt Nam bằng 90% (chín mươi phần trăm) của số tiền ghi trong đoạn 1 để sử dụng cho mục đích dự án như nêu ở đoạn 2 thì khoản nợ tương ứng sẽ được giảm đi. Số tiền phía Việt Nam huy động được kê bằng Euro và chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái hiện tại vào thời điểm sử dụng số tiền đó.

5. Những chi tiết về chuyển đổi nợ theo điều khoản này sẽ được quy định chi tiết trong một thỏa thuận riêng giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng tái thiết. Thỏa thuận riêng này cần phải được ký kết trong vòng một tháng kể từ khi thống nhất chấp nhận dự án.

6. Ngay sau khi ký Thỏa thuận riêng như nêu ở đoạn 5, nghĩa vụ nợ phải trả theo Điều 2 sẽ được trừ đi và tiền lãi theo Điều 3 của số nợ đã trừ như ghi trong đoạn 1 sẽ không được tính nữa. Điều này không áp dụng cho khoản lãi quá hạn đối với số nợ này tính đến thời điểm ký thỏa thuận.

7. Nếu số tiền dự kiến chuyển đổi nợ theo Điều 1 trong vòng mười năm sau khi ký Hiệp định này không được sử dụng hoặc chỉ được sử dụng một phần theo Thỏa thuận riêng như ghi ở đoạn 5 thì toàn bộ số tiền đó hoặc phần còn lại của số tiền chuyển đổi nợ theo dự kiến sẽ phải hoàn trả lại theo Điều 2 và tiền lãi sẽ tính theo Điều 3, một khi việc giảm nợ theo đoạn 4 chưa có hiệu lực. Trong trường hợp này, việc trừ nợ và không tính lãi theo đoạn 6 sẽ bị hủy bỏ.

8. Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức

có thể ngừng thực hiện Thỏa thuận riêng nếu Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thanh toán những khoản nợ còn lại đối với Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức vào những thời điểm như đã thỏa thuận hoặc nếu việc thực hiện Hiệp định 1994 bị ngừng lại. Trong trường hợp ngừng thực hiện Thỏa thuận riêng thì đoạn 7 sẽ có hiệu lực.

**Điều 5.** (Hiệp định 1994 tiếp tục có hiệu lực) Những quy định của Hiệp định 1994 tiếp tục có hiệu lực và không thay đổi, nếu trong Hiệp định này không có thỏa thuận nào khác. Điều 13 của Hiệp định 1994 có hiệu lực tương ứng với những quy định của Hiệp định này.

**Điều 6.** (Hiệu lực của Hiệp định) Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Làm tại Berlin ngày 03 tháng 3 năm 2004 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Đức, cả hai bản đều có giá trị như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Dr. Nguyễn Thành Đô**  
*Phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính  
đối ngoại Bộ Tài chính*

THAY MẶT CHÍNH PHỦ  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

**Detlef Lingermann, Bộ Ngoại giao**  
*Dr. Thomas Scha'kermann,  
Bộ Tài chính*